

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2018
V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N. Y

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh H.

2. Bà Phạm Thị N.

Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc B là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:

Ông: Trần Trung K - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST – HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mộng N, sinh năm 1997;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp P, xã A, huyện Đ, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp P, xã A, huyện Đ, tỉnh B.

(chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Mộng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn do anh chị thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Nay chị xác vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Hà Khánh B, sinh ngày 01/4/2016, hiện chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật .

Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Mộng N được ly hôn với anh Hà Văn T.

Về con chung: Giao con chung tên Hà Khánh B, sinh ngày 01/4/2016 cho chị Nguyễn Mộng N nuôi dưỡng, hiện chị N đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nền cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Mộng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Hà Văn T, có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Chị Nguyễn Mộng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Hà Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 và 3 Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về nội dung:

Anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến, xem như anh T tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của anh, nên cần chấp nhận theo lời trình bày của chị N.

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện yêu thương nhau. Tuy nhiên trong thời gian chung sống không hạnh phúc, do mâu thuẫn, cãi vã và hiện tại anh chị cũng đã sống ly thân. Tòa án nhiều lần triệu tập anh T đến đề hòa giải nhưng anh T không đến, chị N thì cương quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp.

Về con chung: Chị N có yêu cầu được nuôi con và hiện tại con chung cũng đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Anh Hà Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng N phải nộp số tiền 300.000đ, chị N đã dự nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0011014 ngày 13/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Mộng N được ly hôn với anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hà Khánh B, sinh ngày 01/4/2016 cho chị Nguyễn Mộng N nuôi dưỡng, hiện chị N đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Anh Hà Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng N phải nộp số tiền 300.000đ, chị N đã dự nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0011014 ngày 13/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- Chi Cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N. Y

